

Số: 280a /BVĐKSD-VTTBYT

Sa Đéc, ngày 18 tháng 3 năm 2025

V/v yêu cầu báo giá
mua sắm thiết bị y tế tại
Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc
năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: mua sắm thiết bị y tế năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Ths. Bùi Văn Bé Mười, Chuyên viên Phòng Vật tư - Thiết bị Y tế;
 - ĐT: 0949.316368.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc. Số 153, Đường Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hòa Khánh, Phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.
 - Nhận qua email: vttbyt.bvds@gmail.com.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: **Từ 10h00 ngày 18 tháng 3 năm 2025 đến trước 13h00 ngày 28 tháng 3 năm 2025.**

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục yêu cầu báo giá: Phụ lục kèm theo.
- Địa điểm cung cấp: Phòng Vật tư - Thiết bị Y tế, Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc. Số 153, Đường Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hòa Khánh, Phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng trong vòng 30 ngày.
 - Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II năm 2025.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Chuyển khoản và thanh toán sau khi nghiệm thu thiết bị đưa vào sử

dụng và cung cấp đầy đủ các chứng từ hợp lệ.

- Điều kiện thanh toán: Được cung cấp đầy đủ hóa đơn, biên bản nghiệm thu thiết bị và chứng từ hợp lệ.

- Thời hạn thanh toán: 90 ngày.

5. Các thông tin khác: Không.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang TTĐT BV;
- Lưu: VT, VTTBYT. Muoi.

GIÁM ĐỐC

Trần Thanh Tùng

Danh mục

(Kèm theo Công văn số 280a /BVĐKSD-VTTBYT ngày 18 tháng 3 năm 2025
của Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc)

Stt	Cấu hình và thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	BƠM TIÊM ĐIỆN Chất lượng hàng : MỚI 100%, SẢN XUẤT NĂM 2024 TRỞ VỀ SAU. ĐẠT TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG ISO 13485:2016, FDA <u>I. CẤU HÌNH</u> - Máy chính 01 chiếc - Pin sạc 01 chiếc - Dây nguồn 01 chiếc - Hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh và tiếng Việt 01 chiếc <u>II. ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT</u> Bơm tiêm điện SP-200 dùng được với nhiều loại bơm tiêm sử dụng 1 lần (loại tiêu chuẩn) và nhận các size 5ml, 10ml, 20ml và 50 ml và có thể kiểm soát các dòng chất lỏng theo cách đáng tin cậy so với thao tác bằng tay bởi các nhân viên y tá. - Màn hình chạm - Hiển thị tương phản độ sáng - Động cơ bước - Hệ thống mở - Bơm tiêm - Nồng độ tự động - Tính toán 7 chế độ truyền - Chế độ Micro Mode - Dải tốc độ	Cái	08

- Độ chính xác
- Tốc độ biến đổi trong khi hoạt động
- VTBI (thể tích được truyền)
- Thể tích truyền
- Các đơn vị liều lượng
- Tốc độ KVO
- Chức năng Purge (Làm sạch)
- Tiêm nhanh (Bolus)
- Chống tiêm nhanh (Anti-bolus)
- Mức tắc nghẽn
- Thư viện thuốc
- Các đơn vị thuốc
- Lịch sử ghi chép

III. THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Màn hình màu chạm 4.3” TFT

Bơm tiêm phù hợp: toàn cầu (5ml,10ml,20ml, 30ml, 50ml/60ml)

Chế độ Micro mode: 100ml/h đến 1200ml/h, có thể lập trình

Dải tốc độ: 0.01-1500 ml/h (tùy vào kích cỡ bơm tiêm) với mức tăng tối thiểu 0.01ml/h

Độ chính xác: $\pm 2\%$

VTBI (thể tích được tiêm vào) 0~9999ml

Tốc độ KVO: 0.01~5.0ml/h, Lỗi van: 1ml/h

Làm sạch: 100-1500ml/h (tùy vào kích cỡ bơm tiêm)

Tiêm nhanh (Bolus): tiêm nhanh bằng tay và chương trình cài đặt tiêm nhanh.

Mức tắc nghẽn: 12 mức

Đơn vị thuốc: ug, mg, g, u, ku, iu, eu, mmol, mol, kcal

Thư viện thuốc: hơn 2000 mục

Lịch sử ghi chép: hơn 5000 ghi chép

Thông tin báo động: (nghe nhìn)

Thời gian hoạt động của pin: 12 tiếng tại 5ml/h

Nguồn điện: DC:15V AC:100/240V, 50/60HZ, 50VA

	Chống nước: IP 24		
2	MÁY TRUYỀN DỊCH Chất lượng hàng : MỚI 100%, SẢN XUẤT NĂM 2024 TRỞ VỀ SAU. ĐẠT TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG ISO 13485:2016, FDA <u>I. CẤU HÌNH</u> - Máy chính 01 chiếc - Pin sạc 01 chiếc - Dây nguồn 01 chiếc - Hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh và tiếng Việt 01 chiếc <u>II. ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT</u> Bơm truyền dịch IP-200 có thể được sử dụng rộng rãi trong các khoa của bệnh viện như khoa dược, nhi khoa, sản phụ khoa, khoa ung bướu, khoa thần kinh, ICU, CCU. Bơm truyền dịch có thể tự động kiểm soát tốc độ bơm bằng cách phát hiện và kiểm soát tốc độ của động cơ đếm bước thúc đẩy các mảnh nhu động làm cho thuốc chảy ra. – Hiện thị tương phản độ sáng – Nguyên tắc hoạt động: nhu động tuyến tính – Hệ thống mở - tương thích với tất cả các bộ ống truyền (IV set) tiêu chuẩn – Tự động tính toán nồng độ – 7 chế độ truyền – Chế độ Micro Mode – Dải tốc độ – Độ chính xác – Tốc độ biến đổi trong khi hoạt động – VTBI (thể tích được truyền)	Máy	02

- Thẻ tích truyền
- Các đơn vị liều lượng
- Tốc độ KVO
- Chức năng Purge (Làm sạch)
- Truyền nhanh (Bolus)
- Chống truyền nhanh (anti-bolus)
- Phát hiện khí
- Mức tắc nghẽn
- Thư viện thuốc
- Các đơn vị thuốc
- Lịch sử ghi chép

Đạt tiêu chuẩn ISO 13485

III. THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Màn hình màu 4.3” TFT

Các bộ dây truyền dịch có thể sử dụng: Hệ thống mở - Tất cả các bộ truyền dịch (IV set) tiêu chuẩn

Chế độ Micro mode: 100ml/ giờ đến 1200ml/giờ, có thể cài đặt chương trình

Dải tốc độ 0.01 ~1200ml/ giờ với mức tăng tối thiểu 0.01ml/ giờ

Độ chính xác: $\pm 5\%$

VTBI (thẻ tích được truyền vào) 0~9999ml

Thẻ tích truyền vào: 0~9999ml

Tốc độ KVO: 0.01~5.0ml/ giờ, giá trị mặc định 1ml/giờ

Chức năng Purge (Làm sạch): 1200ml/giờ

Truyền nhanh (Bolus) : tiêm nhanh bằng tay và chương trình cài đặt tiêm nhanh.

Phát hiện khí: 7 mức độ, độ nhạy 20uL

Mức tắc nghẽn: 12 mức

	Đơn vị thuốc: ug, mg, g, u, ku, iu, eu, mmol, mol, kcal Thư viện thuốc: Hơn 2000 mục Lịch sử ghi chép: hơn 5000 mục ghi chép Thông tin báo động: (nghe ,nhìn) Thời gian hoạt động của pin: 9 tiếng tại 25ml/giờ Nguồn điện: DC:12V AC:100/240V, 50/60HZ, 50VA Chống nước: IP 24		
3	MÁY PHÁ RUNG TIM Chất lượng hàng : MỖI 100%, SẢN XUẤT NĂM 2024 TRỞ VỀ SAU. ĐẠT TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG ISO 13485:2016, FDA <u>I. CẤU HÌNH</u> - Máy chính : 01 chiếc - Miếng đánh sốc ngoài (paddles) : 01 chiếc - Máy in tích hợp : 01 chiếc - Giấy in nhiệt (50mm x 20m) : 02 cuộn - Cáp ECG 3/5 lead người lớn : 01 chiếc - Dây ECG 5-lead người lớn : 01 chiếc - Điện cực ECG người lớn : 10 chiếc - Gel điện cực : 01 chiếc - Pin Li-on : 01 chiếc - Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh + tiếng	Máy	01

Việt : 01 bộ

II. ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

Máy phá rung tim tạo nhịp Advanced® D-100 được thiết kế gọn nhẹ và di động. Việc phá rung tim tạo nhịp có thể được thực hiện thông qua miếng đánh sốc ngoài (paddles) hoặc các miếng điện cực đa chức năng. Trong Chế độ khử rung thủ công, bạn cũng có thể thực hiện quá trình tạo nhịp tim đồng bộ.

- Thiết kế tích hợp 4 trong 1: máy theo dõi, máy khử rung thủ công, AED và máy tạo nhịp tim.
- Màn hình màu LCD TFT 7’’
- Màn hình hiển thị thông tin bằng số và dạng sóng.
- Hệ thống báo động toàn diện. Gọn nhẹ và di động
- Năng lượng đến 360J để đạt được khử rung tối đa. Phá rung tim tạo nhịp với đồng bộ hóa tim.
- AED với công nghệ 2 pha.
- Theo dõi bệnh nhân: điện tim, tốc độ thở, (tùy chọn mua thêm SpO2)
- Dung lượng bộ nhớ trong lớn
- Đạt cấp IP4X cho chống thấm nước và bụi
- Đạt yêu cầu 21.102, ISO9919 cho sốc và rung
- Đạt yêu cầu 6.3.4.3, EN1789 cho yêu cầu rơi tự do
- Máy in nhiệt tích hợp
- Xuất dữ liệu cổng USB
- Pin sạc dự phòng
- Hiện thị đèn LED cho mức pin
- Hiệu điện thế 100V ~240V- 50/60Hz
- Đạt chất lượng tiêu chuẩn ISO 13485
- Bảo hành 02 năm

III. THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thông số vật lý	Kích thước	288mm (Rộng) x 203mm (Sâu) x 275mm (Cao)
	Trọng lượng	4.7 kg (gồm có ECG/ khử rung/tạo nhịp tim/

			nhịp thở)	
		Đóng gói pin	0.5 kg (mỗi chiếc)	
		Đánh sốc ngoài	0.8 kg bộ	
	Hiển thị	Loại	LCD màu TFT 7’’	
		Độ phân giải	800 x 480 pixels	
		Dạng sóng	Tối đa 3 kênh	
		Thời gian hiện thị dạng sóng	Tối đa 16 giây (ECG)	
	Khử rung	Dạng sóng	BTE Hai pha sóng ngắn cắt theo cấp số nhân, cùng với bù trừ trở kháng	
		Sai số cho phép	$\pm 2J$ hoặc 1-1.5% của cài đặt, bất cứ giá trị nào lớn hơn, trong 50 Ohm.	
		Thời gian sạc	Ít hơn 5 giây đến 200J với pin sạc đầy. Ít hơn 8 giây đến 360J với pin sạc đầy.	
		Chuyển sốc	Thông qua 2 miếng điện cực khử rung đa chức năng hoặc 2 miếng đánh sốc (paddle)	
		Phạm vi trở kháng bệnh nhân	20 đến 200 Ohm (khử rung bên ngoài).	
		Năng lượng đầu ra bằng tay	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 15, 20, 30, 50, 70, 100, 150, 170, 200, 300, 360 J.	
		Khử rung đồng bộ	Truyền năng lượng bắt đầu trong khoảng 60ms ở đỉnh QRS.	
		Năng lượng đầu ra chế độ AED	Do người dùng lựa chọn	
		Sốc AED	Mức năng lượng chọn trong khoảng 100 đến 360 J	
		Sốc	Mức 1,2,3: mức mặc định theo chuẩn AHA 2010	
		Độ nhạy	Đạt AAMI DF-80.	
	Theo dõi	Kiểu đạo trình	ECG 3 đạo trình, ECG 5	

	ECG		đạo trình, Pad/paddles (tấm lót/ miếng đánh sóc)	
		Lựa chọn đạo trình	I, II, III, aVR, aVL, aVF, V, Pads/Paddles (tấm lót/ miếng đánh sóc)	
		Màn hình tốc độ nhịp tim	Người lớn: 15 đến 300 nhịp/phút Trẻ nhỏ: 15 đến 350 nhịp/phút Trẻ sơ sinh: 15 to 350 nhịp/ phút	
		Độ phân giải	1 nhịp/ phút	
		Kích cỡ ECG	2.5mm/mV(x0.25), 5mm/mV(x0.5), 10mm/mV(x1), 20mm/mV(x2), 40mm/mV(x4)	
		Tốc độ quét	6.25mm/giây, 12.5mm/giây, 25mm/giây, 50mm/giây	
		Cách ly bệnh nhân	Loại CF: ECG; RESP-Loại BF khử rung bên ngoài	
		Loạn nhịp tim	Có	
		Bảo động	Có	
	Sốc không xâm lấn	Dạng sóng	Sóng xung vuông 1 pha	
		Độ rộng xung	20ms, $\pm 5\%$	
		Khoảng chịu nhiệt	200 đến 300ms, $\pm 3\%$ (chức năng tốc độ).	
		Chế độ sốc	Theo yêu cầu hoặc cố định	
		Tốc độ nhịp	40ppm đến 170ppm, $\pm 1.5\%$.	
		Đầu ra nhịp	0 mA đến 200 mA, $\pm 5\%$ hoặc 5 mA , bất cứ giá trị nào lớn hơn	
		Nhịp (Pacing)	Tần số xung nhịp giảm do nhân tố số 4 khi kích hoạt	
	Hô hấp	Kỹ thuật	Trở kháng Trans-thoracic, Người lớn: 0 đến 120 ; Trẻ em, trẻ sơ sinh: 0 đến 150 nhịp/phút.	

		Độ phân giải	1 nhịp/ phút		
	Máy ghi (in)	Phương pháp	Máy in nhiệt độ phân giải cao		
		Dạng sóng	Lớn nhất 3 kênh/Tốc độ 25mm/giây, 50mm/giây; Động rộng giấy 50mm		
		Báo cáo	Dạng sóng thời gian thực và dạng sóng frozen (đông), tổng kết sự kiện, dạng bảng, xem lại, kiểm tra người dùng và cấu hình. Tự động Ghi chép có thể được thiết lập để ghi lại sự kiện.		
	Lưu trữ dữ liệu	Thông tin bệnh nhân	Tối đa 100 bệnh nhân/Sự kiện: Lên đến 1000 sự kiện cho mỗi bệnh nhân		
		Lưu trữ dạng sóng	Lên đến 24 giờ đối với sóng ECG liên tục		
		Trend dạng bảng	72 giờ, độ phân giải: 1 phút		
		Ghi âm giọng nói	Tối đa. 180 phút trong tổng; tối đa 60 phút cho từng bệnh nhân		
		Xuất dữ liệu	Dữ liệu có thể xuất từ máy tính sang ổ cứng di động USB		
	Nguồn AC Nguồn DC Pin sạc	Điện áp đường dây	100 đến 240 VAC ($\pm 10\%$); Dòng điện: 1.8 đến 0.8A; Tần số: 50/60 Hz (± 3 Hz)		
		Điện áp đầu vào	12VDC/ Điện năng tiêu thụ: 190W		
		Pin Lithium Ion	3Ah, 14.8 V, có thể sạc lại, số lượng: 1		
		Thời gian sạc	Ít hơn 2 giờ để sạc 80% và ít hơn 3 giờ để sạc đầy pin cho máy.		
		Hiển thị công suất	Hiển thị đèn LED 5 thành phần đánh giá nhanh công suất pin		
		Chế độ theo dõi	2.5 giờ , theo dõi ECG, kết nối liên tục và với tất cả dây nguồn và bộ cảm		

			biên		
		Chế độ khử rung	100 lần, ngắt sạc 360J trong vòng 1 phút mà không cần lưu lại		
		Chế độ tạo nhịp tim	2 giờ, tải trở kháng 50 Ohm		
		Tốc độ tạo nhịp	80 nhịp/phút- Nhịp đầu ra: 60 mA.		
4	BỘ ĐẶT NỘI KHÍ QUẢN CÓ CAMERA Chất lượng hàng : MỚI 100%, SẢN XUẤT NĂM 2024 TRỞ VỀ SAU. ĐẠT TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG ISO 13485:2016, FDA <u>I.CÁU HÌNH</u> - 01 Cán tay cầm có màn hình - 01 Lưỡi cong Macintosh số 2 sử dụng nhiều lần - 01 Lưỡi cong Macintosh số 3 sử dụng nhiều lần - 01 Lưỡi cong Macintosh số 4 sử dụng nhiều lần - 01 Pin sạc bên trong máy - 01 Dây cáp USB - 01 hộp đựng <u>II. ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT</u> NHỎ GỌN VÀ TIỆN DỤNG - Nhẹ - Thiết bị nhẹ hơn 350g - Kết cấu thép cứng - Lắp đặt và tháo các lưỡi nhanh chóng - Nút chụp ảnh nhanh để ghi hình ảnh và video - Bộ nhớ dữ liệu 4 GB (Lưu trữ khoảng 80 phút video) - Đầu ra HDMI (lựa chọn thêm) CUNG CẤP LƯỖI ĐẶT NỘI KHÍ QUẢN TOÀN DIỆN - Có sẵn Lưỡi đặt nội khí quản Macintosh Kích thước 1,2,3,4,5 - Có sẵn Lưỡi đặt nội khí quản cong "D" Macintosh Kích thước 1,2,3,4,5 - Có sẵn Lưỡi đặt nội khí quản Miller Kích thước 0,1 - ClearVue đi kèm với Lưỡi đặt nội khí quản Macintosh Kích thước 2,3 và 4 theo tiêu chuẩn BỀN VỮNG - Màn hình được gia cố bằng lớp bảo vệ chống vỡ - Pin Li-ion có thể sạc lại nhẹ và bền - Độ nét cao			Bộ	01

- Màn hình HD 4 inch
- Ống kính chống sương mù
- Camera 2.0 Mega Pixel có chức năng quay video

III. THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Màn hình:

- Kích thước: 4 inch, toàn màn hình
- Monitor: LCD
- Độ phân giải: 640x480RGB
- Tỷ lệ: 4:3
- Tốc độ làm mới video: 30FPS
- Chiều sáng: LED

Camera lưới bộ đặt nội khí quản

- Tỷ lệ độ phân giải: 2.0MP
- Góc quang trường: 66°
- Độ chiếu sáng: ≥ 800 LUX

Pin:

- Loại pin: Pin Lithium dạng sạc
- Thời gian hoạt động: 120 phút
- Điện áp: 3.7V
- Dung lượng: 3200mAh
- Chu kỳ tuổi thọ pin: > 300 lần sạc
- Thời gian sạc: 4 tiếng

Adapter nguồn:

- Ngõ sạc: USB
- Nguồn vào: 100-250V, 50/60Hz
- Ngõ ra: 5V/2A

Điều kiện vận chuyển và lưu kho:

- Nhiệt độ: -10~45°C
- Độ ẩm: ≤ 93
- Áp suất khí quyển: 500hPa ~ 1060hPa

Điều kiện hoạt động:

- Nhiệt độ: 5~40°C
- Độ ẩm: 30~85
- Áp suất khí quyển: 700hPa ~ 1060hPa

Chức năng chống sương mù độc đáo:

Chức năng chống sương mù tự động khi khởi động máy.

- Trọng lượng: 321g (đối với bộ sử dụng lưới 1 lần); 376g (đối với bộ lưới sử dụng nhiều lần), nhỏ gọn thoải mái

Chức năng chụp ảnh/quay video:

Chụp ảnh chỉ bằng 1 nút bấm thẻ nhớ 4G bên trong cho hình ảnh và cấp nối USB để tải hình ảnh và video.

Tay cầm:

Bằng nhựa ABS – thiết kế tay cầm ngăn tiện dụng thoải

	mái		
5	MÁY LY TÂM Chất lượng hàng : MỚI 100%, SẢN XUẤT NĂM 2024 TRỞ VỀ SAU. ĐẠT TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG ISO 13485 - Bộ điều khiển bằng vi xử lý với màn hình hiển thị LCD - Tự phát hiện chế độ không cân bằng và tự động ngắt - Sản xuất theo quy định an toàn quốc tế - Độ ồn < 60 dBA ở tốc độ tối đa - Dễ dàng thay đổi rotor - Chỉ thị giá trị cài đặt và giá trị thực - Lựa chọn cho cả tốc độ và lực ly tâm - 10 cấp độ tăng tốc và giảm tốc - Tốc độ ly tâm tối đa: 6,000 vòng/phút - Lực ly tâm tối đa (RCF): 4,427 xg - Khoảng tốc độ: 200 – 6000 vòng/phút - Thời gian cài đặt: 59 phút 50 giây, cài đặt 10 giây; 99 giờ 59 phút, cài đặt 1 phút - Nguồn điện: 230V, 50-60Hz - Kích thước (WxHxD): 280 x 260 x 370 mm * Cung cấp bao gồm: - Máy ly tâm, model: Z206A Lưu ý : Ống ly tâm, Quý khách tự mua Rotor góc 12 chỗ x 15ml (code: 221.54 V01) + Tốc độ tối đa: 6,000 vòng/phút + Lực ly tâm: 4,427 xg	Máy	01
6	BỘ DỤNG CỤ PHẪU THUẬT TAI MŨI HỌNG Chất lượng hàng : MỚI 100%, SẢN XUẤT NĂM 2024 TRỞ VỀ SAU. ĐẠT TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG ISO 13485 Ống soi khớp độ phân giải cao, tiêu chuẩn 0°, đường kính 4.0mm, chiều dài hoạt động 175 mm Dụng cụ hỗ trợ ngực dùng cho người lớn, hoàn chỉnh với giữ đặt nội khí quản	Bộ	01

	Ống soi thanh quản 135mm, dùng cho người lớn, cỡ Fig. 3 Kéo vi phẫu thanh quản 250mm, cong sang phải Kéo vi phẫu thanh quản 250mm, cong sang trái Dao cắt hình liềm 250mm, cho cán cầm ha3030 Tay cầm cho thanh giăng (rod) dụng cụ HA3040 và HA 3100 ống hút dài 250mm, đường kính Ø3.0mm Kẹp gấp vi phẫu thanh quản thẳng, chiều dài hoạt động 250mm		
--	---	--	--